

ỦY BAN C	KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN 27-03-2012	
SỐ CV ĐỀ	000884

*Báo cáo của Ban Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN  
LIÊN MINH VIỆT NAM**  
*Năm 2011*



**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

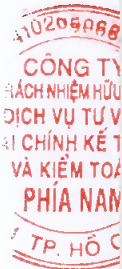
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944–38 205.947; Fax: 38 205.942

**NỘI DUNG**

**Trang**

---

<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	<b>05 - 05</b>
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	09 – 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm 2011	12 – 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010 của Chủ Tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Quản lý quỹ

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

**Trụ sở của Công ty tại:** Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM.

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Phạm Thị Mân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Bà Đoàn Thị Hồng Loan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
-----------------------	---------------	-------------------------

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo vốn chủ sở hữu, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được Công ty áp dụng, tuân thủ theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo;
- Lập và trình bày các báo cáo trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tuân thủ các quy định hiện



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**TM. Ban Giám Đốc**

**Tổng Giám Đốc**



**Đoàn Thị Hồng Loan**





Số: 187./BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán  
Liên Minh Việt Nam***Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán  
Liên Minh Việt Nam  
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán  
Liên Minh Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được trình bày từ trang 07 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Việc góp vốn điều lệ đơn vị chi căn cứ vào các sổ chi tiết giao dịch của ngân hàng BIDV – chi nhánh số giao dịch 2, với các hồ sơ nêu trên chúng tôi chưa có cơ sở xác định chi tiết số vốn góp theo từng đối tượng, do đó chúng tôi căn cứ vào sổ liệu của đơn vị.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên (nếu có), báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám đốc****Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV 0479/KTV

**Kiểm toán viên****Đinh Thế Đường**

Chứng chỉ KTV 0342/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>41.526.716.015</b>	<b>41.539.988.785</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1.</b>	<b>39.374.258.122</b>	<b>11.317.075.057</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111	1.1	3.027.728	1.683.759
2. Tiền gửi Ngân hàng	112	1.2	39.371.230.394	11.315.391.298
3. Tiền đang chuyển	113			
2. Các khoản tương đương tiền	114			
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>868.200.350</b>	<b>868.200.350</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		868.200.350	868.200.350
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>2.</b>	<b>1.284.257.543</b>	<b>29.354.713.378</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	2.1	17.822.504	771.006
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132			
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu khác	134	2.2	1.266.435.039	29.353.942.372
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	135			
<b>IV. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>			
1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ	151			
2. Tài sản lưu động khác	152			
<b>B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.137.544.832</b>	<b>5.234.909.034</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>1.474.398.353</b>	<b>1.942.272.929</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	3.	1.092.218.223	1.505.495.643
- Nguyên giá	212		1.967.977.743	1.967.977.743
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	213		(875.759.520)	(462.482.100)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214	4.	382.180.130	436.777.286
- Nguyên giá	215		545.971.602	545.971.602
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	216		(163.791.472)	(109.194.316)
3. Tài sản cố định vô hình	217			
- Nguyên giá	218			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	219			
<b>II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác</b>	<b>230</b>			
1. Đầu tư chứng khoán	231			
2. Đầu tư dài hạn khác	232			
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (*)	233			
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>250</b>			
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.</b>	<b>1.663.146.479</b>	<b>3.292.636.105</b>
1. Chi phí trả trước	261	5.1	1.613.481.479	3.232.971.105
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262	5.2	49.665.000	59.665.000
3. Tài sản dài hạn khác	263			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.664.260.847</b>	<b>46.774.897.819</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM**

Tầng 10, Toà nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP.HCM

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.364.731.166</b>	<b>3.691.317.412</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>6.</b>	<b>2.533.339.643</b>	<b>1.727.589.889</b>
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.1	12.762.745	1.242.691
4. Phải trả công nhân viên	314	6.2		26.500.000
5. Chi phí phải trả	315			
6. Phải trả nội bộ	316			
7. Phải trả, phải nộp khác	317	6.3	2.520.576.898	1.699.847.198
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>	<b>7.</b>	<b>1.831.391.523</b>	<b>1.963.727.523</b>
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341			
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342			
3. Phải trả dài hạn khác (*)	333		1.831.391.523	1.963.727.523
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.299.529.681</b>	<b>43.083.580.407</b>
<b>I. Nguồn vốn</b>	<b>410</b>	<b>8.</b>	<b>40.299.529.681</b>	<b>43.083.580.407</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	412			
3. Lợi nhuận tích lũy	413			
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Quỹ Dự trữ	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(9.700.470.319)	(6.916.419.593)
<b>II. Quỹ</b>	<b>420</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>44.664.260.847</b>	<b>46.774.897.819</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Vật tư nhận giữ hộ.	002			
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003			
4. Ngoại tệ các loại (USD)	004		121,44	120,84
5. Chứng khoán theo mệnh giá	005		630.000.000	630.000.000

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)



**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



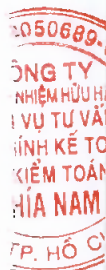
**Ngô Thị Thu Thảo**

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Đoàn Thị Hồng Loan**





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	1	9	24.000.000	1.138.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	10		
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	11	24.000.000	1.138.691
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (12 = 10 - 11)	12		24.000.000	1.138.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	12	16.598.642	1.888.569
7. Chi phí tài chính	14	13	14.055.500	32.892.424
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		2.811.824.847	3.631.738.532
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (16 = 12 + 13 - 14 - 15)	16		(2.785.281.705)	(3.661.603.696)
10. Thu nhập khác	17	14	1.249.379	1.600.000
11. Chi phí khác	18	15	18.400	259.375
12. Lợi nhuận khác (19 = 17 - 18)	19		1.230.979	1.340.625
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (20 = 16 + 19)	20		(2.784.050.726)	(3.660.263.071)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	16		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (22 = 20 - 21)	22		(2.784.050.726)	(3.660.263.071)

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Ngô Thị Thu Thảo

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hồng Loan

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ phí quản lý quỹ	1			
Tiền thu từ phí tư vấn	2			
Tiền thu từ phí phát hành	3			
Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	4		10.000.000	1.092.999.031
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5		139.951.316.448	829.926.930
Tiền trả cho người cung cấp	6		(51.512.411)	(194.784.280)
Trả lãi tiền vay	7		(14.055.500)	(32.606.000)
Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	8		(42.055.657)	(19.151.858)
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	9		(616.059.523)	(267.250.000)
Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(111.064.712.934)	(8.111.193.988)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>28.172.920.423</b>	<b>(6.702.060.165)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32			
Tiền đầu tư chứng khoán	33			(868.200.350)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34			
Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35			
Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	36			18.912.500.000
Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		16.369.452	1.633.202
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38			
Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>16.369.452</b>	<b>18.045.932.852</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM**

Tầng 10, Toà nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP.HCM

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	41			
Tiền trả lại vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	42			
Tiền đi vay	43			35.400.000
Tiền trả nợ vay	44			(186.400.000)
Tiền trả nợ thuê tài chính	45	(132.336.000)		(121.308.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46			
Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47			
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>(132.336.000)</b>		<b>(272.308.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (30 + 40 + 50)</b>	<b>60</b>	<b>28.056.953.875</b>		<b>11.071.564.687</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.317.075.057</b>		<b>245.255.003</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80	229.190		(255.367)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (60 + 70 +/-80)</b>	<b>90</b>	<b>39.374.258.122</b>		<b>11.317.075.057</b>

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)



**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



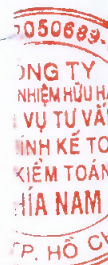
**Ngô Thị Thu Thảo**

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Đoàn Thị Hồng Loan**



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

**Trụ sở của Công ty tại:** Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM.

**Vốn điều lệ của Công ty là** 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:** Quản lý quỹ

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

#### **4. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**5. Niên độ kế toán:** Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**6. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **II Chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và quy định tại luật kế toán, nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### **III Các chính sách kế toán áp dụng:**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo công văn 518/TCT-CS ngày 14/2/2011 của Tổng cục thuế ban hành.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### **3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

#### **3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, thuê tài chính:**

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### **3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, thuê tài chính:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

### **4. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

#### **4.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **4.2 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### **5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

#### **5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

### **5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

### **5.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **6. Kế toán các hoạt động liên doanh:**

#### **6.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

#### **6.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

### **7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

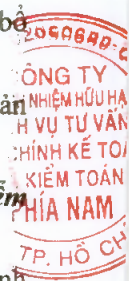
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **8. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### **9. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

#### **9.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:**

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

#### **9.2 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **9.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ có liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1- Tiền mặt tại quỹ	3.027.728	1.683.759
1.2- Tiền gửi ngân hàng (*)	39.371.230.394	11.315.391.298
- VND	39.368.701.042	11.313.103.555
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển BIDV - Chi nhánh Sò Giao Dịch 2	1.908.670	1.862.830
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam VCB - Chi nhánh 42	1.871.872	1.839.072
Ngân hàng Phát Triển Nhà HDB	39.026.210.021	10.977.639.676
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển BIDV - Chi nhánh NKKN	338.710.479	331.761.977
- USD	2.529.352	2.287.743
Ngân hàng Phát Triển Nhà HDBank (121.44 USD)	2.529.352	2.287.743
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>39.374.258.122</b>	<b>11.317.075.057</b>

Ghi chú: (\*) Các khoản tiền gửi đã được đối chiếu xác nhận tại 31/12/2011

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1- Phải thu khách hàng	17.822.504	771.006
Nguyễn Minh Trí	17.822.504	771.006
2.2-Các khoản phải thu khác	1.266.435.039	29.353.942.372
Nguyễn Quang Trung		28.612.500.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phần mềm Cánh Cam	33.000.000	33.000.000
Phạm Thị Mân (tạm ứng)	524.992.667	
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Việt Nhân	708.442.372	708.442.372
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>1.284.257.543</b>	<b>29.354.713.378</b>



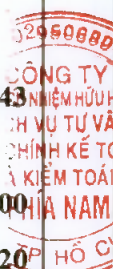


## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 3. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>1 Số dư đầu năm</b>		1.967.977.743		1.967.977.743
<b>2 Số tăng trong năm</b>				
<i>Bao gồm:</i>				
- Mua trong năm				
- Đầu tư XDCB hoàn thành				
- Tăng khác				
<b>3 Giảm trong năm</b>				
<i>Bao gồm:</i>				
- Chuyển sang bất động sản đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>4 Số dư cuối năm</b>		1.967.977.743		1.967.977.743
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>				
<b>1 Số dư đầu năm</b>		462.482.100		462.482.100
<b>2 Tăng trong năm</b>		413.277.420		413.277.420
- Khấu hao trong năm		413.277.420		413.277.420
- Tăng khác				
<b>3 Giảm trong năm</b>				
<i>Bao gồm:</i>				
- Chuyển sang bất động sản đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>4 Số dư cuối năm</b>		875.759.520		875.759.520
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>		1.505.495.643		1.505.495.643
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>		1.092.218.223		1.092.218.223



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 4. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	TSCĐ thuê TCKhác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>1 Số dư đầu năm</b>		545.971.602		545.971.602
<b>2 Số tăng trong năm</b>				
<i>Bao gồm:</i>				
- Thuê trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Tăng khác				
<b>3 Giảm trong năm</b>				
<i>Bao gồm:</i>				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác				
<b>4 Số dư cuối năm</b>		545.971.602		545.971.602
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>1 Số dư đầu năm</b>		109.194.316		109.194.316
<b>2 Tăng trong năm</b>		54.597.156		54.597.156
- Khấu hao trong năm		54.597.156		54.597.156
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Tăng khác				
<b>3 Giảm trong năm</b>				
<i>Bao gồm:</i>				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác				
<b>4 Số dư cuối năm</b>		163.791.472		163.791.472
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>		436.777.286		436.777.286
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>		382.180.130		382.180.130

### 5. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

#### 5.1- Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trước giai đoạn thành lập DN

Số cuối năm

Số đầu năm

1.613.481.479

3.232.971.105

1.613.481.479

3.232.971.105

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	4	5	6
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000		(3.256.156.522)	46.743.843.478
Tăng vốn trong năm trước				
Lãi trong năm trước				
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm trước				
Lỗ trong năm trước			(3.660.263.071)	(3.660.263.071)
Giảm khác				
Số dư cuối năm trước. Số dư đầu năm nay	50.000.000.000		(6.916.419.593)	43.083.580.407
Tăng vốn trong năm nay				
Lãi trong năm nay				
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm nay				
Lỗ trong năm nay			(2.784.050.726)	(2.784.050.726)
Giảm khác				
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000		(9.700.470.319)	40.299.529.681

#### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Việt Á	10,00%	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Phạm Hữu Tuấn	5,00%	2.500.000.000	2.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10,00%	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	1,00%	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Lê Phương Thảo	1,00%	500.000.000	2.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10,00%	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Phạm Thị Mân	11,00%	5.500.000.000	24.800.000.000
Phạm Văn Đầu	52,00%	26.000.000.000	1.900.000.000
Các cổ đông khác	0,00%		2.900.000.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100,00%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
<b>+ Vốn đầu tư của chủ SH</b>		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>9. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu từ phí quản lý quỹ	24.000.000	1.138.691
<b>Cộng doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.000.000</b>	<b>1.138.691</b>
<b>10. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
<b>11. DOANH THU THUẦN</b>	<b>24.000.000</b>	<b>1.138.691</b>
<b>12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.369.452	1.633.202
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	229.190	255.367
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>16.598.642</b>	<b>1.888.569</b>
<b>13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi thuê tài chính	14.023.900	32.606.000
Chi phí tài chính khác- Lãi quá hạn	31.600	286.424
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>14.055.500</b>	<b>32.892.424</b>
<b>14. THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC		1.600.000
Thu nhập khác	1.249.379	
<b>Cộng thu nhập khác</b>	<b>1.249.379</b>	<b>1.600.000</b>
<b>15. CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền nộp phạt		259.375
Chi phí khác	18.400	
<b>Cộng chi phí khác</b>	<b>18.400</b>	<b>259.375</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 16. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
a. Tổng lợi nhuận trước thuế	(2.784.050.726)	(3.660.263.071)
b. Các khoản điều chỉnh tăng	808.269.544	1.374.519.988
- Chi phí không có chứng từ hợp lệ	808.269.544	1.374.519.988
c. Tổng thu nhập chịu thuế (c=a+b)	(1.975.781.182)	(2.285.743.083)
d. Thuế TNDN phải nộp		
<b>e. Lợi nhuận sau thuế TNDN (e=a-d)</b>	<b>(2.784.050.726)</b>	<b>(3.660.263.071)</b>

### 17. THÔNG TIN BỔ SUNG

#### 17.1- Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2011, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Phạm Thị Mân	Cổ đông	Tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	84.051.659.334
		Hoàn tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	83.526.666.667

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản phải thu bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phạm Thị Mân	524.992.667	

#### 17.2- Thông tin so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Ngô Thị Thu Thảo

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Hồng Loan